

Số: 279/KH-UBND

Bắc Ninh, ngày 06 tháng 5 năm 2025

KẾ HOẠCH

Cải thiện và nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Bắc Ninh năm 2025 và các năm tiếp theo

Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 05/01/2024 của Chính phủ về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2024;

Căn cứ Báo cáo kết quả phân tích, đánh giá của bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương năm 2024¹;

Căn cứ Công văn số 78/BKHCN-UDCN ngày 08/01/2025 của Bộ Khoa học và Công nghệ về việc triển khai bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII);

Theo đề nghị của Sở Khoa học và Công nghệ tại Tờ trình số 13/TTr-KHCN ngày 28/3/2025,

Ủy ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh ban hành Kế hoạch cải thiện và nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Bắc Ninh năm 2025 và các năm tiếp theo như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

a) Cải thiện và nâng cao Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Bắc Ninh, cụ thể: cải thiện các chỉ số thành phần thấp điểm, duy trì phát huy các điểm mạnh, các chỉ số thành phần có số điểm cao so với cả nước và tăng dần vị trí xếp hạng Chỉ số PII² của tỉnh trong năm 2025 và các năm tiếp theo trong top

¹ Ngày 31/12/2024, Bộ Khoa học và Công nghệ công bố bộ Chỉ số Đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) năm 2024. Đây là bộ chỉ số phản ánh bức tranh thực tế, tổng thể về hiện trạng mô hình phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo của từng địa phương. Kết quả, tỉnh Bắc Ninh có điểm số đầu vào đổi mới sáng tạo là 49,89; điểm số đầu ra là 35,76; điểm số PII là 42,83, xếp thứ 11/63 tỉnh, thành phố trên cả nước.

² Bộ Chỉ số PII của Việt Nam gồm có 52 chỉ số, chia làm 07 trụ cột, gồm: 05 trụ cột đầu vào phản ánh những yếu tố tạo điều kiện thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, bao gồm: (1) Thể chế; (2) Vốn con người và Nghiên cứu và phát triển; (3) Cơ sở hạ tầng; (4) Trình độ phát triển của thị trường; (5) Trình độ phát triển của doanh nghiệp; và 02 trụ cột đầu ra phản ánh kết quả tác động của khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến phát triển kinh tế - xã hội, bao gồm: (6) Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ, (7) Tác động.

- Nguồn dữ liệu để xây dựng bộ Chỉ số PII năm 2024 và các năm tiếp theo được Bộ KH&CN thu thập dựa trên số liệu từ các báo cáo thống kê, báo cáo quản lý chính thức của các cơ quan trung ương và địa phương; số liệu từ các bộ chỉ số khác (bộ chỉ số Cải cách hành chính, bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh, bộ chỉ số Chuyển đổi số, bộ chỉ số Hiệu quả quản trị và hành chính công cấp tỉnh). Cơ cấu nguồn dữ liệu như sau:

+ Từ các báo cáo, số liệu thống kê của các cơ quan, tổ chức ở trung ương: 38.5% (20 chỉ số);
+ Từ các bộ chỉ số khác: 21% (11 chỉ số);

10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về Chỉ số PII, về thu hút đầu tư, đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ và tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, an toàn cho doanh nghiệp, người dân và các nhà đầu tư, phát triển bền vững;

b) Tăng cường nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Chỉ số PII. Đồng thời triển khai có hiệu quả các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực ngành, cơ quan, đơn vị quản lý;

c) Tăng cường sự phối hợp, nâng cao tính chủ động trong việc cung cấp thông tin, số liệu và tài liệu minh chứng của các cơ quan, đơn vị để phục vụ tính toán Chỉ số PII của tỉnh hằng năm.

2. Yêu cầu

a) Việc thực hiện phải được triển khai đồng bộ, kịp thời, có trọng tâm, trọng điểm; xác định các nhiệm vụ, giải pháp cụ thể, phân công trách nhiệm đối với các Sở, ngành, cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc triển khai thực hiện;

b) Xác định Chỉ số PII phản ánh hiện trạng mô hình phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo, qua đó cung cấp cơ sở khoa học và thực tiễn để xác định, lựa chọn các định hướng, giải pháp phù hợp cho phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

a) Năm 2025 và các năm tiếp theo, Bắc Ninh thuộc nhóm các địa phương duy trì trong top 10 tỉnh, thành phố dẫn đầu về Chỉ số PII, về thu hút đầu tư, đổi mới sáng tạo, phát triển khoa học, công nghệ và tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, an toàn cho doanh nghiệp, người dân và các nhà đầu tư, phát triển bền vững;

b) Góp phần thực hiện thành công các mục tiêu về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đã đề ra tại Nghị quyết của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030;

c) Các năm tiếp theo phấn đấu tăng dần vị trí xếp hạng của tỉnh và điểm số năm sau cao hơn năm trước (Đối với các chỉ số, điểm số thấp hơn mức trung bình cả nước thu hẹp khoảng cách đến mức trung bình và tiến tới đạt mức trung bình của cả nước; các chỉ số, điểm số cao hơn mức trung bình cả nước, duy trì và tiếp tục cải thiện để nâng cao điểm số).

2. Mục tiêu cụ thể

a) Năm 2025 và các năm tiếp theo: Phấn đấu thuộc top 10 địa phương dẫn đầu cả nước về chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII); duy trì và phát triển thứ hạng các điểm mạnh, từng bước cải thiện và khắc phục các điểm yếu, các chỉ số

+ Từ dữ liệu quản lý nhà nước của Bộ Khoa học và Công nghệ: 15.5% (8 chỉ số);

+ Từ số liệu do địa phương cung cấp (Sơ Khoa học và Công nghệ thu thập, tổng hợp gửi Bộ Khoa học và Công nghệ): chiếm tỷ lệ 25% (13 chỉ số) tổng kết quả

thành phần còn thấp điểm, phần đầu năm 2025 và các năm tiếp theo xếp hạng của tỉnh Bắc Ninh cao hơn so với năm 2024 và mục tiêu điểm số của 07 chỉ số trụ cột như sau:

STT	Trụ cột	Số điểm năm 2024	Chỉ tiêu năm 2025
1	Thể chế	45,92	> 45,92
2	Vốn con người, nghiên cứu và phát triển	39,67	> 39,67
3	Cơ sở hạ tầng	60,75	> 60,75
4	Trình độ phát triển của thị trường	51,12	> 51,12
5	Trình độ phát triển của doanh nghiệp	51,97	> 51,97
6	Sản phẩm tri thức, sáng tạo và công nghệ	23,45	> 23,45
7	Tác động	48,08	> 48,08

b) Tăng cường nhận thức, nâng cao trách nhiệm của các cấp, các ngành về phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo và Chỉ số PII. Đồng thời triển khai các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp thiết thực hiệu quả nhằm cải thiện, nâng cao các chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực ngành, cơ quan, đơn vị quản lý.

III. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Các Sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan

a) Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về ý nghĩa và tầm quan trọng của Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) để xác định được các điểm mạnh, điểm yếu, về các yếu tố tiềm năng và các điều kiện cần thiết để tham mưu, đưa ra các giải pháp thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội dựa trên khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo.

b) Thực hiện rà soát các chỉ số thành phần của Chỉ số PII thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý; chủ động tham mưu Tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành chủ trương, chính sách thúc đẩy và ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương (Nâng cao nhóm chỉ số Môi trường chính sách và Môi trường kinh doanh).

c) Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc kế hoạch Bộ chỉ số PCI, PAPI, PAR INDEX... của tỉnh ban hành hằng năm. Triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các tiêu chí và tiêu chí thành phần theo lĩnh vực của ngành, địa phương, đơn vị được phân công.

d) Tham mưu công tác đào tạo, bồi dưỡng nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức tham gia trực tiếp vào các hoạt động nghiên cứu và phát triển trong cơ quan, tổ chức.

đ) Tiếp tục nâng cao công tác chỉ đạo, điều hành; xác định rõ trách nhiệm của

người đứng đầu cơ quan hành chính các cấp, chịu trách nhiệm trực tiếp và toàn diện về kết quả thực hiện Kế hoạch. Triển khai có chất lượng, đúng tiến độ các tiêu chí và chỉ tiêu thành phần theo lĩnh vực của đơn vị được phân công theo Phụ lục đính kèm.

2. Các cơ quan, đơn vị được giao đầu mối phụ trách các trụ cột, chủ trì các chỉ số thành phần thuộc lĩnh vực ngành, đơn vị quản lý

2.1. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Là đơn vị đầu mối hướng dẫn, tổng hợp thông tin, tài liệu minh chứng do các Sở, ban, ngành cung cấp để phục vụ tính toán Bộ chỉ số PII hàng năm;

b) Tham mưu ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách về hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa, đổi mới công nghệ, phát triển thị trường công nghệ hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ, hệ sinh thái khởi nghiệp, phát triển công nghệ cao;

c) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc chức năng quản lý: “Chính sách thúc đẩy khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh (Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa; đổi mới công nghệ; phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp; tài sản trí tuệ; phát triển thị trường công nghệ, chuyển đổi số)”; “Số tổ chức KH&CN/10.000 dân”; “Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D)”; “Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp”; “Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST”; “Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO”, nhóm chỉ số “Tài sản vô hình”; “Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh nghiệp KH&CN”; “Tỉ lệ doanh nghiệp đổi mới sáng tạo”;

d) Tham mưu phát triển các tổ chức Khoa học và Công nghệ; khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ;

đ) Tuyên truyền, khuyến khích các tổ chức, cá nhân nhằm nâng cao số lượng đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ;

e) Tham mưu triển khai hướng dẫn các đơn vị hoạt động khởi nghiệp sáng tạo nhằm nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương;

g) Tham mưu triển khai và tổ chức thực hiện các giải pháp nâng cao về chuyển đổi số, các chỉ số thành phần Hạ tầng số (Chỉ số Chuyển đổi số (DIT)), chỉ số Cơ sở hạ tầng cơ bản (loại hạ tầng viễn thông);

h) Chỉ đạo, phối hợp doanh nghiệp viễn thông triển khai phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại đảm bảo cho việc triển khai các ứng dụng công nghệ thông tin phục vụ chuyển đổi số.

2.2. Sở Tài chính

- a) Tham mưu ban hành chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ tại địa phương tổ chức triển khai có hiệu quả chính sách hỗ trợ doanh nghiệp vừa và nhỏ;
- b) Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần “Tính năng động của chính quyền” và “Chi phí gia nhập thị trường: (Đây là chỉ số thành phần thuộc Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh của Việt Nam (PCI) do Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) xây dựng và công bố hàng năm);
- c) Tham mưu triển khai hướng dẫn các đơn vị hoạt động khởi nghiệp sáng tạo nhằm nâng cao tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương;
- d) Chủ trì, phối hợp với các sở: Giáo dục và Đào tạo, Khoa học và Công nghệ tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trình cấp có thẩm quyền bố trí kinh phí chi cho lĩnh vực giáo dục, đào tạo và dạy nghề; khoa học và công nghệ từ ngân sách địa phương bảo đảm theo quy định.

2.3. Sở Giáo dục và Đào tạo

- a) Là cơ quan đầu mối phụ trách *trụ cột 2. Vốn con người và nghiên cứu và phát triển*;
- b) Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và của tỉnh;
- c) Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần “Tỉ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu Khoa học và Kỹ thuật”;
- d) Phối hợp với Liên hiệp các Hội khoa học và Kỹ thuật tỉnh, Tỉnh đoàn: Tham mưu tổ chức đa dạng các cuộc thi lĩnh vực KH&CN cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh, tuyên truyền, khuyến khích nhằm nâng cao tỉ lệ học sinh THCS và THPT tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kỹ thuật; cần triển khai hiệu quả và tích cực hơn nữa việc tích hợp giáo dục STEM vào chương trình học của học sinh tiểu học và tổ chức Ngày hội STEM thường niên dành cho học sinh THCS, THPT;
- đ) Tiếp tục triển khai thực hiện việc đổi mới phương pháp dạy-học và kiểm tra đánh giá tích cực theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực của học sinh nhằm duy trì và phát huy chỉ số điểm mạnh (Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT).

2.4. Sở Công Thương

- a) Tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp (thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; quản lý, phát triển cụm công nghiệp); các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics của địa phương (thực hiện Quyết định 221/QĐ-TTg năm 2021 và Quyết định 200/QĐ-TTg năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam

đến năm 2025).

b) Đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án hạ tầng Cụm công nghiệp.

2.5. Sở Nông nghiệp và Môi trường

a) Tham mưu các chính sách thúc đẩy, hỗ trợ kinh tế khu vực nông thôn thông qua các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong hình thức tổ chức sản xuất, kinh doanh các sản phẩm truyền thống, dịch vụ có lợi thế đạt tiêu chuẩn, có khả năng cạnh tranh trên thị trường trong nước và quốc tế, phát triển chất lượng các sản phẩm OCOP 4 sao trở lên;

b) Chuyển mạnh tư duy sản xuất nông nghiệp truyền thống sang tư duy phát triển kinh tế nông nghiệp công nghệ cao, hàng hóa gắn với xây dựng, phát triển thương hiệu; tiếp tục phát triển mở rộng các sản phẩm OCOP; hoàn thành nhiệm vụ xây dựng nông thôn mới.

2.6. Sở Nội vụ

a) Tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực của địa phương;

b) Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương tham mưu triển khai các giải pháp để duy trì, giữ vững, cải thiện và nâng cao kết quả các Chỉ số Cải cách hành chính (PAR INDEX), Chỉ số hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính Nhà nước (SIPAS), Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI) tỉnh Bắc Ninh”; cung cấp số liệu, tài liệu về các chính sách thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao vào làm việc tại các cơ quan nhà nước thuộc UBND tỉnh (đang có hiệu lực thực thi, tính đến ngày 30/6 hàng năm).

2.7. Ban quản lý các Khu công nghiệp tỉnh

a) Ban hành và thực hiện các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp (thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; quản lý, phát triển cụm công nghiệp). Tham mưu các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp;

b) Chủ trì rà soát, xây dựng các chỉ tiêu phấn đấu thu hút vốn FDI và tổng vốn đầu tư thực hiện trong Khu công nghiệp; phối hợp cùng các cơ quan liên quan đối với các chỉ tiêu về kim ngạch xuất nhập khẩu và giá trị tăng thêm của khu vực công nghiệp. Đồng thời, thực hiện tốt các nhiệm vụ tập trung triển khai các khu công nghiệp theo quy hoạch được duyệt, bố trí quỹ đất công nghiệp cho các dự án lớn, tạo động lực thúc đẩy tăng trưởng kinh tế; đôn đốc các nhà đầu tư đẩy mạnh giải ngân vốn và triển 2 khai dự án theo tiến độ đăng ký, hạn chế tối đa việc điều chỉnh kéo dài giải ngân vốn đầu tư; triển khai các biện pháp bình ổn giá cho thuê tại các khu công nghiệp, không để xảy ra tình trạng bỏ hoang đất công nghiệp nhằm mục đích đầu cơ trục lợi; nâng cao tỷ lệ lấp đầy các khu công nghiệp; tham mưu triển khai khu công nghệ thông tin tập trung trong thời gian sớm nhất.

2.8. Ngân hàng Nhà nước Khu vực 5

Tham mưu các chính sách tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh nhằm nâng cao chỉ số thành phần về Tín dụng cho khu vực tư nhân, Vay tài chính vi mô, Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các doanh nghiệp nhằm giúp các doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận các nguồn tín dụng ở địa phương để phục vụ phát triển kinh tế, thực hiện đầu tư sản xuất - kinh doanh và thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh.

2.9. Chi cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh

Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu các chỉ số thành phần được giao (GRDP của địa phương, tổng số doanh nghiệp đang hoạt động có kết quả sản xuất kinh doanh trên địa bàn tính đến ngày 31/12 hàng năm, tổng số doanh nghiệp mới thành lập tính đến ngày 31/12 hàng năm, dân số trung bình tính đến ngày 31/12 hàng năm, số lượng đơn vị hành chính cấp xã) phục vụ báo cáo Bộ Chỉ số PII của tỉnh Bắc Ninh.

(Chi tiết phân công nhiệm vụ theo Phụ lục kèm theo)

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao Sở Khoa học và Công nghệ là cơ quan đầu mối, chủ trì hướng dẫn, tổng hợp thông tin, tài liệu minh chứng do các Sở, ban, ngành cung cấp để phục vụ tính toán Bộ chỉ số PII hàng năm

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai, tìm hiểu nội hàm, ý nghĩa, phương pháp tính toán, nguồn dữ liệu của từng chỉ số. Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức họp (khi cần thiết) để thống nhất, chỉ đạo các giải pháp, nhiệm vụ để cải thiện, nâng cao Chỉ số PII của tỉnh;

b) Tham mưu, thực hiện tốt các trụ cột, chỉ số thành phần của Bộ chỉ số PII thuộc phạm vi quản lý;

c) Theo dõi, đôn đốc, đánh giá việc triển khai thực hiện Kế hoạch này của các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị; tổng hợp các thông tin, dữ liệu minh chứng từ các sở, ban, ngành về Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương của tỉnh Bắc Ninh gửi Bộ Khoa học và Công nghệ tổng hợp, phân tích, đánh giá; báo cáo UBND tỉnh (sau khi Bộ Khoa học và Công nghệ công bố kết quả Bộ chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương hàng năm);

d) Chủ trì, phối hợp với Sở Nội vụ (Ban Thi đua - Khen thưởng) và các cơ quan, đơn vị, địa phương có liên quan đề xuất, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xét tặng khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc trong triển khai thực hiện cải thiện, nâng cao chỉ số PII của tỉnh;

đ) Tổ chức tìm hiểu, học tập kinh nghiệm tại một số địa phương có điểm số cao về các chỉ số thành phần của Bộ chỉ số PII, xếp thứ hạng cao về chỉ số PII để đề xuất các giải pháp cải thiện hoạt động đổi mới sáng tạo chung của tỉnh.

2. Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị tổ chức liên quan, có trách nhiệm tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ, giải pháp nêu trong Kế hoạch này

a) Căn cứ vào chức năng nhiệm vụ được giao, bám sát nhiệm vụ, giải pháp trong Kế hoạch, tiến hành rà soát các nhiệm vụ đã thực hiện, các nhiệm vụ cần tiếp tục điều chỉnh, bổ sung, các nhiệm vụ chưa thực hiện, kịp thời tham mưu Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh ban hành chủ trương, chính sách, chương trình, đề án, chỉ thị thúc đẩy hoạt động ứng dụng khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trong các lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của địa phương; chủ động xây dựng kế hoạch/giải pháp triển khai thực hiện tại cơ quan, đơn vị nhằm cải thiện chỉ số đổi mới sáng tạo đạt mục tiêu đề ra; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND tỉnh về kết quả thực hiện các chỉ số thành phần của Bộ chỉ số PII thuộc chức năng quản lý;

b) Chủ động tìm hiểu nội hàm, ý nghĩa nguồn dữ liệu, phương pháp tính toán của từng chỉ số; phân tích, nghiên cứu kết quả đánh giá từng chỉ số để xây dựng và triển khai các giải pháp chính sách để nâng cao, cải thiện giá trị và xếp hạng của các chỉ số thành phần, góp phần nâng cao chỉ số PII của tỉnh;

c) Phân công đơn vị, cán bộ làm đầu mối thực hiện tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện cải thiện chỉ số thuộc lĩnh vực ngành, địa phương quản lý. Đối với các cơ quan có sự thay đổi về nhân sự thì kịp thời gửi văn bản thay thế cán bộ đầu mối (bao gồm lãnh đạo cơ quan, đơn vị và lãnh đạo, chuyên viên phòng chuyên môn) về Sở Khoa học và Công nghệ để tổng hợp;

d) Thực hiện cung cấp đầy đủ các thông tin, dữ liệu liên quan gửi về Sở Khoa học và Công nghệ tổng hợp để phục vụ tính toán chỉ số Đổi mới sáng tạo của tỉnh hàng năm bảo đảm đúng thời gian quy định.

Trên đây là Kế hoạch cải thiện và nâng cao bộ Chỉ số đổi mới sáng tạo cấp địa phương (PII) của tỉnh Bắc Ninh năm 2025 và các năm tiếp theo. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc, phát sinh, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Khoa học và Công nghệ) để xem xét, điều chỉnh, bổ sung cho phù hợp. *ĐV*

Nơi nhận: *ĐV*

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- TT TU, TT HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các cơ quan, đơn vị được giao nhiệm vụ;
- Các trường đại học, cao đẳng, tổ chức KH&CN, DN;
- Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật tỉnh;
- VPUBND tỉnh: LĐVP, XD CB;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Ngô Tân Phụng

Phụ lục
NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP NÂNG CAO BỘ CHỈ SỐ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO CẤP ĐỊA PHƯƠNG (PII)
NĂM 2025 VÀ CÁC NĂM TIẾP THEO CỦA TỈNH BẮC NINH
(Kèm theo Kế hoạch số 279/KH-UBND ngày 06 tháng 5 năm 2025 của UBND tỉnh Bắc Ninh)

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
1	THỂ CHẾ				
1.1	Chỉ số Môi trường chính sách				
1.1.1	Ban hành và tổ chức thực hiện các chính sách thúc đẩy phát triển và ứng dụng KHCN&ĐMST phục vụ phát triển KT-XH của địa phương	Nghiên cứu, tham mưu Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh ban hành các chính sách, quy định trong phạm vi thẩm quyền nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho các hoạt động của doanh nghiệp, trong đó có ĐMST. Các địa phương có các chính sách và tổ chức thực thi chính sách, quy định pháp luật, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp hoạt động sẽ giúp thúc đẩy, tạo điều kiện thuận lợi để cho hoạt động ĐMST ở địa phương, góp phần phát triển KT-XH.	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		
(1)	Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm hàng hóa	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định của địa phương nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa (thực hiện Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31/8/2020).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Địa phương
(2)	Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách của địa phương nhằm hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, thực hiện Luật	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các	Địa phương

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		Chuyển giao công nghệ và các quy định pháp luật liên quan khác	nghe, Sở Tài chính	huyện, thị xã, thành phố	
(3)	Hỗ trợ phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách của địa phương nhằm phát triển hệ sinh thái khởi nghiệp (thực hiện Đề án Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp ĐMST quốc gia đến năm 2025 theo Quyết định 844/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Địa phương
(4)	Hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách của địa phương nhằm hỗ trợ phát triển tài sản trí tuệ (thực hiện Chương trình phát triển tài sản trí tuệ đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 2205/QĐ-TTg ngày 24/12/2020, thực hiện Chiến lược sở hữu trí tuệ do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1068/QĐ-TTg ngày 22/8/2019).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Địa phương
(5)	Hỗ trợ phát triển thị trường công nghệ	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách của địa phương nhằm phát triển thị trường khoa học và công nghệ (thực hiện Chương trình phát triển thị trường KH&CN quốc gia đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ ban hành tại Quyết định 1158/QĐ-TTg ngày 13/7/2021).	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Địa phương
(6)	Chuyển đổi số	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách, chương trình, kế hoạch chuyển đổi số ở địa phương (thực hiện Chương	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các	Địa phương

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020).		huyện, thị xã, thành phố	
(7)	<i>Phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao</i>	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao (thực hiện Luật Công nghệ cao).	Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Địa phương
(8)	<i>Phát triển khu công nghiệp, cụm công nghiệp, cụm công nghiệp làng nghề</i>	Tham mưu ban hành và thực hiện các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển công nghiệp hỗ trợ, cụm công nghiệp (thực hiện các Nghị định của Chính phủ về phát triển công nghiệp hỗ trợ; quản lý, phát triển cụm công nghiệp).	Sở Công thương; Ban quản lý các KCN	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Địa phương
(9)	<i>Phát triển sản phẩm nông nghiệp, phát triển nông thôn</i>	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách về phát triển sản phẩm nông nghiệp địa phương (Chương trình OCOP, tham gia sản thương mại điện tử, phát triển kinh tế số).	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Địa phương
(10)	<i>Phát triển dịch vụ logistics</i>	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển dịch vụ logistics của địa phương (thực hiện Quyết định 221/QĐ-TTg năm 2021 và Quyết định 200/QĐ-TTg năm 2017 của Thủ tướng Chính phủ về Kế hoạch hành động	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Địa phương

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		nâng cao năng lực cạnh tranh và phát triển dịch vụ logistics Việt Nam đến năm 2025).			
(11)	<i>Phát triển và thu hút nhân lực</i>	Tham mưu ban hành các chương trình/kế hoạch, quy định, chính sách phát triển và thu hút nhân lực của địa phương	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Địa phương
(12)	<i>Triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030</i>	Tham mưu ban hành các chương trình, kế hoạch, quy định, chính sách nhằm triển khai thực hiện Chiến lược phát triển khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo đến năm 2030 khác hiện đang được thực hiện ở địa phương	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Địa phương
(13)	<i>Các văn bản chính sách khác có liên quan đến KHCN&ĐMST</i>	Tham mưu ban hành các văn bản chính sách khác có liên quan đến KHCN&ĐMST khác	Các Sở, ban, ngành	Sở Khoa học và Công nghệ	Địa phương
1.1.2.	Thiết chế pháp lý và an ninh trật tự.	Tham mưu ban hành các quy định, các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc Bộ chỉ số nâng cao Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI theo Kế hoạch của tỉnh.	Sở Tư pháp, Công An tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nguồn từ PCI và VCCI
1.1.3.	Chính sách hỗ trợ DNNVV (là chỉ số thành phần (chỉ số 8) thuộc Chỉ số PCI)	Tham mưu xây dựng chính sách khuyến khích, ưu đãi phát triển các ngành công nghiệp và xây dựng hạ tầng kỹ thuật các Cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh; phát triển thị trường dịch vụ hỗ trợ kinh doanh trên địa bàn, hỗ trợ các doanh nghiệp trong công tác	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị	Nguồn từ PCI và PAR Index - Bộ Nội vụ

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		<p>đổi mới thiết bị, công nghệ, sản phẩm mới; thực hiện đồng bộ có hiệu quả các cam kết thương mại quốc tế, phối hợp với các ngành triển khai các Hiệp định Thương mại mà Việt Nam đã ký kết đến các doanh nghiệp, giúp các doanh nghiệp tiếp cận, nắm bắt các thuận lợi, cơ hội để thực hiện có hiệu quả.</p> <p>- Phối hợp với các đơn vị liên quan tăng cường công tác xúc tiến kêu gọi đầu tư các dự án trọng điểm, có thế mạnh của tỉnh.</p> <p>- Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p> <p>- Tham mưu xây dựng và triển khai thực hiện cơ chế, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa để thúc đẩy khởi nghiệp và phát triển mạnh mẽ khu vực kinh tế tư nhân.</p>		xã, thành phố	
1.2	Chỉ số Môi trường kinh doanh				
1.2.1.	Chi phí gia nhập thị trường (là chỉ số thành phần (chỉ số 1) thuộc Chỉ số PCI.)	<p>- Tiếp tục thực hiện rút ngắn thời gian, đơn giản hóa các thủ tục hành chính (TTHC) liên quan đến lĩnh vực đăng ký doanh nghiệp, đầu tư so với quy định.</p> <p>- Rà soát, điều chỉnh, bổ sung vào Danh mục dự án trọng điểm thu hút đầu tư vào tỉnh năm 2025 và các năm tiếp theo; thực hiện hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa của tỉnh theo Nghị định số 80/2021/NĐ-CP ngày 26/8/2021 của Chính phủ.</p> <p>- Ban hành các quy định, triển khai các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc Bộ chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh (PCI) theo Kế hoạch của tỉnh.</p>	Sở Tài chính, Công thương	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nguồn từ PCI và PAR Index - Bộ Nội vụ

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
1.2.2.	Tính năng động của chính quyền địa phương (là chỉ số thành phần (chỉ số 8) thuộc Chỉ số PCI.)	Tham mưu ban hành các quy định, chương trình, kế hoạch, các giải pháp linh hoạt, sáng tạo của tỉnh trong quá trình thực thi chính sách, pháp luật và giải quyết kịp thời, hiệu quả khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp và người dân.	Văn phòng UBND tỉnh	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	Nguồn từ PCI và PAR Index - Bộ Nội vụ
1.2.3.	Cải cách hành chính. (là chỉ số Cải cách hành chính cấp tỉnh (Par Index) được công bố hàng năm)	<ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu ban hành các chương trình, kế hoạch, các giải pháp tăng cường nâng cao các chỉ số thành phần thuộc CCHC theo Kế hoạch của tỉnh. - Đẩy mạnh công tác cải cách hành (CCHC) chính nhằm xây dựng nền hành chính dân chủ, chuyên nghiệp, tập trung vào nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, cải cách tổ chức bộ máy, cơ quan hành chính nhà nước các cấp, đơn vị sự nghiệp công lập tinh gọn, hoạt động hiệu quả; hiện đại hoá nền hành chính, xây dựng chính quyền điện tử, nâng cao chất lượng dịch vụ công; cải cách TTHC nhằm rút ngắn về thời gian, giảm về kinh phí, đáp ứng nhu cầu thiết thực của người dân và doanh nghiệp trong giải quyết TTHC. - Thường xuyên, kịp thời cập nhật, công khai TTHC dưới nhiều hình thức khác nhau, tạo thuận lợi cho người dân, tổ chức, doanh nghiệp tìm hiểu và thực hiện. 	Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố	PAR Index - Bộ Nội vụ
1.2.4.	Cạnh tranh bình đẳng (là chỉ số thành phần (chỉ số 6) thuộc Chỉ số PCI)	Tham mưu ban hành các giải pháp nâng cao các chỉ số thành phần thuộc Bộ chỉ số PCI theo Kế hoạch của tỉnh	Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị	Nguồn từ PCI

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
				xã, thành phố	
2	VỐN CON NGƯỜI VÀ NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN				
2.1	Chỉ số Giáo dục				
2.1.1.	Điểm trung bình thi tốt nghiệp THPT (5 môn) gồm: (i) Toán, (ii) Vật lý, (iii) Hóa học, (iv) Sinh học, (v) Ngữ văn.	Tăng cường các giải pháp nâng cao chất lượng giáo dục, tổ chức đa dạng các cuộc thi nghiên cứu Khoa học và Kỹ thuật cho học sinh THCS, THPT trong tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tỉnh đoàn, Liên hiệp các hội Khoa học và Kỹ thuật,	Bộ Giáo dục
2.1.2	Tỉ lệ học sinh trung học tham gia các cuộc thi nghiên cứu khoa học, kĩ thuật trên tổng số học sinh trung học	Chỉ đạo các cơ sở giáo dục phổ thông tăng cường dạy học theo bài học STEM; tổ chức các hoạt động trải nghiệm STEM, các hoạt động nghiên cứu khoa học kĩ thuật; ngày hội STEM; tham gia các cuộc thi, hội thi khoa học, kỹ thuật do các cấp, các ngành tổ chức; triển khai mô hình giáo dục trường học gắn với thực tiễn. - Tổ chức ngày hội STEM, cuộc thi khoa học, kĩ thuật cấp huyện, cấp tỉnh. - Khuyến khích học sinh trung học nghiên cứu khoa học, kỹ thuật, vận dụng kiến thức đã học vào giải quyết những vấn đề thực tiễn nhằm góp phần đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra, đánh giá; thúc đẩy giáo dục STEM trong phổ thông; nâng cao chất lượng dạy học trong các cơ sở giáo dục trung học.	Sở Giáo dục và Đào tạo	UBND các địa phương, các trường THPT, cơ sở giáo dục	Địa phương
2.1.3	Chi cho GD&ĐT bình quân 1 người đi học	Tham mưu HĐND tỉnh, UBND tỉnh quan tâm bố trí kinh phí cho việc đầu tư, xây dựng nguồn nhân lực tại địa phương, ngoài định mức chi thường xuyên từ ngân sách địa phương tăng cường đầu tư	Sở Tài chính	Sở Giáo dục và Đào tạo	Bộ Tài chính và Tổng cục Thống kê

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		cho đầu tư phát triển, xây dựng cơ bản, thiết bị đào tạo... - Tham mưu, rà soát, tổng hợp, phân tích, báo cáo số liệu hàng năm. - Tham mưu nguồn kinh phí chi giáo dục và đào tạo từ ngân sách địa phương đảm bảo đúng quy định.			
2.2.	Chỉ số Nghiên cứu và Phát triển				
2.2.1	Nhân lực NC&PT (toàn thời gian) ³	- Tuyên truyền, nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của việc phát triển nguồn nhân lực khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo. - Nghiên cứu tham mưu các chính sách khuyến khích cán bộ KH&CN làm việc ở vùng nông thôn và những vùng có điều kiện khó khăn, cũng như việc khen thưởng đãi ngộ xứng đáng đối với tập thể và cá nhân có cống hiến trong lĩnh vực KH&CN. Tổ chức các lớp bồi dưỡng về quản lý trường học cho cán bộ quản lý cơ sở giáo dục, kết hợp đầu tư cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học hiện đại, đồng bộ để hỗ trợ đổi mới phương pháp dạy học. Tham mưu ban hành chính sách thu hút, đào tạo phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao theo hướng dẫn của Trung ương, của các bộ ngành. - Phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cho đội ngũ cán bộ, công chức các cấp.	Sở Nội vụ, các Sở, ban, ngành	Các trường đại học, cao đẳng, các tổ chức KH&CN	Cục TTKH&C NQG

³ Nhân lực NC&PT là những người tham gia trực tiếp vào hoạt động NC&PT trong cơ quan/tổ chức và được trả tiền (được thanh toán) cho dịch vụ của họ, bao gồm cán bộ nghiên cứu, nhân viên kỹ thuật, và nhân viên hỗ trợ.

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
2.2.2	Tỉ lệ chi cho KH&CN/GRDP (%). (Chi KH&CN từ ngân sách địa phương gồm: (i) Chi thường xuyên (sự nghiệp), (ii) Chi đầu tư phát triển)	Tham mưu nguồn kinh phí chi cho hoạt động KH&CN từ ngân sách địa phương (bao gồm chi thường xuyên và chi đầu tư phát triển)	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ	Bộ Tài chính, địa phương (Sở Tài chính)
2.2.3.	Chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D). (Về nguồn cấp kinh phí, bao gồm các khoản chi từ ngân sách nhà nước, từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước, từ nguồn nước ngoài. Về loại chi, gồm chi đầu tư phát triển, chi thực hiện nhiệm vụ KH&CN, chi cho hoạt động của cơ quan và chi khác)	Tham mưu nguồn kinh phí chi cho nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (R&D).	Sở Tài chính	Sở Khoa học và Công nghệ; các Trung tâm nghiên cứu, Trường ĐH; các cơ quan liên quan.	Cục TTKH&C NQG; địa phương (Sở Tài chính)
2.2.4.	Số tổ chức KH&CN ⁴ /10.000 dân.	- Tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, doanh nghiệp về chức năng, nhiệm vụ, hình thức của tổ chức KH&CN, các điều kiện để thành lập tổ chức KH&CN; Công bố, công khai TTHC về cấp Giấy chứng nhận tổ chức KH&CN; Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp các hồ sơ, trình tự, thủ tục về	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; các Tổ chức KH&CN; doanh nghiệp KH&CN	Bộ Khoa học và Công nghệ; địa phương (Sở Khoa học và

⁴ Tổ chức KH&CN là tổ chức có chức năng chủ yếu là nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ, được thành lập và đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật (đăng ký hoạt động tại Sở KH&CN địa phương và Bộ KH&CN)

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		<p>cấp giấy chứng nhận tổ chức KH&CN khi các tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.</p> <p>- Tham mưu, phát triển các tổ chức Khoa học và Công nghệ; khuyến khích, tạo điều kiện hỗ trợ các tổ chức KH&CN thực hiện các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ</p> <p>- Số tổ chức KH&CN được cấp chứng nhận đăng ký hoạt động tại địa phương</p>			Công nghệ)
3	CƠ SỞ HẠ TẦNG				
3.1	Chỉ số Hạ tầng ICT				
3.1.1.	Hạ tầng số. (là Chỉ số thành phần (chỉ số chính thứ 3) thuộc Chỉ số Chuyển đổi số DTI.)	<p>Tham mưu thực hiện nâng cao các thành phần thuộc Chỉ số Chuyển đổi số (DIT) do Bộ Khoa học và Công nghệ xây dựng và công bố.</p> <p>Nghiên cứu, tham mưu triển khai sử dụng các nền tảng số theo yêu cầu của Bộ Khoa học và Công nghệ tại các cơ quan nhà nước trên địa bàn tỉnh; triển khai ứng dụng Trí tuệ nhân tạo (AI) trong các nền tảng số đang triển khai, sử dụng;... đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của tỉnh.</p> <p>- Tham mưu rà soát, bổ sung dữ liệu ngành, địa phương vào các nền tảng dùng chung khi triển khai; thúc đẩy sử dụng các nền tảng số phát triển kinh tế số, xã hội số ở ngành, địa phương, nhất là các nền tảng phục vụ chuyển đổi số.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương, đơn vị liên quan	Bộ TT&TT

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
3.1.2.	Quản trị điện tử. (Chỉ số thành phần (trục 8) thuộc Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh (PAPI).	Tham mưu các giải pháp thực hiện có hiệu quả Chỉ số Hiệu quả quản trị và Hành chính công cấp tỉnh	Sở Tài chính, Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương, các đơn vị liên quan	PAPI
3.2	Chỉ số Hạ tầng chung và Môi trường sinh thái				
3.2.1.	Cơ sở hạ tầng cơ bản. (Hạ tầng khu công nghiệp, Hạ tầng đường bộ, Hạ tầng điện năng, Hạ tầng viễn thông, Các loại hạ tầng khác)	<ul style="list-style-type: none"> Sử dụng có hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách tỉnh gắn với tranh thủ sự hỗ trợ giúp đỡ của Trung ương để đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ theo quy hoạch của tỉnh; thực hiện tốt việc quy hoạch các khu chức năng và giải phóng mặt bằng tạo quỹ đất sạch thu hút đầu tư. Đẩy mạnh lồng ghép các nguồn lực đầu tư; chú trọng đầu tư các công trình trọng điểm, tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp vào đầu tư. Thực hiện tốt chính sách khuyến khích đầu tư do Chính phủ ban hành để thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước có năng lực và kinh nghiệm đầu tư hạ tầng khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh. Thực hiện hiệu quả các Kế hoạch, quy hoạch phát triển hạ tầng sô, hạ tầng viễn thông của tỉnh, tạo điều kiện cho việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc, phục vụ quá trình xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh và đáp ứng nhu cầu của nhân dân. 	Các sở, ban, ngành, Ban Quản lý các KCN tỉnh.	UBND địa phương, đơn vị liên quan	VCCI

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		Tiếp tục tham mưu việc thực hiện đầu tư, phát triển kết cấu hạ tầng giao thông đồng bộ, hiện đại. Ưu tiên các dự án hạ tầng giao thông quan trọng, các dự án tạo động lực cho việc phát triển dài hạn, thu hút nguồn vốn đầu tư nước ngoài từ ngân sách.			
3.2.2	Tỉ lệ diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng kết cấu hạ tầng của các khu công nghiệp trên tổng diện tích đất công nghiệp theo quy hoạch của các khu công nghiệp (%) ⁵ .	Thực hiện hiệu quả các kế hoạch, quy hoạch phát triển hạ tầng số, hạ tầng viễn thông của tỉnh, tạo điều kiện cho việc phát triển cơ sở hạ tầng viễn thông của các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ, đáp ứng yêu cầu thông tin liên lạc, phục vụ quá trình xây dựng Chính quyền số, phát triển kinh tế số, xã hội số của tỉnh và đáp ứng nhu cầu của nhân dân. Tham mưu, triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi thu hút, tập trung liên kết các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp.	Ban quản lý các KCN tỉnh, Sở Tài chính	Sở Công thương	Địa phương
3.3.3	Quản trị môi trường. (là chỉ số thành phần (trục 7) thuộc Chỉ số PAPI.)	Tham mưu triển khai các giải pháp nâng cao Chỉ số Quản trị môi trường cấp tỉnh.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương, các đơn vị liên quan	PAPI
4	TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA THỊ TRƯỜNG				
4.1	Chỉ số Tài chính và đầu tư				

⁵ Diện tích đất công nghiệp là phần diện tích đất trong KCN dành cho nhà đầu tư thuê đất, thuê lại đất để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi, thực hiện dự án đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh; được xác định trong quy hoạch xây dựng KCN do cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt. Diện tích đất công nghiệp đã được xây dựng hạ tầng của các KCN là diện tích đã được xây dựng kết cấu hạ tầng kỹ thuật để cho các nhà đầu tư thuê đất, thuê lại đất để xây dựng nhà xưởng, văn phòng, kho bãi, thực hiện dự án đầu tư, tổ chức sản xuất, kinh doanh.

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
4.1.1.	Tín dụng cho khu vực tư nhân ⁶ //1,000 lao động (Tỷ đồng).	<ul style="list-style-type: none"> - Tạo điều kiện thuận lợi cho các thành phần kinh tế được vay vốn theo năng lực tài chính và phương án kinh doanh khả thi, mở rộng và đa dạng hóa các kênh tiếp cận tín dụng. - Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng áp dụng các quy trình, thủ tục, hồ sơ vay vốn đã được đơn giản hóa nhằm tiết giảm chi phí trong hoạt động của ngân hàng và tạo điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận vốn tín dụng của khách hàng; tập trung vốn vào lĩnh vực sản xuất, đặc biệt là các lĩnh vực ưu tiên theo định hướng của Chính phủ, triển khai các chương trình cho vay ưu đãi như: cho vay theo chuỗi giá trị bền vững trong hoạt động sản xuất nông nghiệp, cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sạch, cho vay xuất khẩu, công nghiệp phụ trợ,... 	Ngân hàng Nhà nước khu vực 5		Ngân hàng NNVN
4.1.2.	Vay tài chính vi mô/GRDP	Tham mưu triển khai các giải pháp liên quan đến tín dụng ở địa phương phục vụ sản xuất - kinh doanh nhằm giúp các doanh nghiệp, người dân dễ dàng tiếp cận các nguồn tín dụng ở địa phương để phục vụ phát triển kinh tế, thực hiện đầu tư sản xuất	Ngân hàng Nhà nước Khu vực 5, Ngân hàng Chính sách xã hội		Ngân hàng CSXH

⁶ (Phản ánh sự sẵn có và mức tín dụng tiếp cận được ở địa phương nhằm phục vụ sản xuất - kinh doanh, bao gồm thực hiện hoạt động ĐMST ở địa phương. Dư nợ tín dụng của các Tổ chức tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài có trụ sở/chi nhánh ở địa phương: là toàn bộ số dư bằng đồng Việt Nam và ngoại tệ tại một thời điểm cụ thể của các tổ chức Tín dụng, Chi nhánh Ngân hàng nước ngoài đối với các pháp nhân, cá nhân là người cư trú của Việt Nam thuộc khu vực vực tư nhân và là khu vực thể chế phi tài chính, khu vực thể chế hộ gia đình, khu vực thể chế không vì lợi nhuận phục vụ hộ gia đình)

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		- kinh doanh và thực hiện các hoạt động khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo trên địa bàn tỉnh. Tạo điều kiện thuận lợi cho phép các tổ chức tài chính vi mô mở tài khoản thanh toán cho khách hàng. Triển khai các chương trình, chính sách để thúc đẩy sự phát triển của các tổ chức, chương trình, dự án tổ chức vi mô phục vụ người nghèo, người thu nhập thấp, phụ nữ và doanh nghiệp siêu nhỏ, linh hoạt và phù hợp với các sản phẩm, dịch vụ tài chính một cách an toàn, hiệu quả và bền vững.			
4.1.3.	Vốn SXKD bình quân hàng năm của các DN ⁷ (tỷ đồng).	Tham mưu triển khai các giải pháp hỗ trợ doanh nghiệp vay vốn để phát triển sản xuất và kinh doanh	- Sở Tài chính; - Cục Thống kê tỉnh Bắc Ninh	Các doanh nghiệp trong tỉnh	Tổng cục thống kê
4.1.4	Giá trị tài sản cố định và đầu tư tài chính dài hạn của các DN ⁸ (tỷ đồng).				Tổng cục thống kê
4.2	Chỉ số Quy mô thị trường				
4.2.1.	Số DN ngành dịch vụ chuyên môn KH&CN/1.000 DN. (Các doanh nghiệp ngành dịch vụ chuyên môn, KHCN bao gồm các doanh	Tuyên truyền, phổ biến đến các tổ chức, doanh nghiệp về chức năng, nhiệm vụ, hình thức của doanh nghiệp KH&CN, các điều kiện để thành lập doanh nghiệp KH&CN; Công bố, công khai TTHC về cấp Giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN; Hướng dẫn các tổ chức, doanh nghiệp các hồ sơ,	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính; Cục Thống kê tỉnh	Tổng cục thống kê

⁷ Phản ánh mức đầu tư phục cho sản xuất kinh doanh hàng năm, trong đó có các hoạt động ĐMST của doanh nghiệp ở địa phương.

Vốn sản xuất kinh doanh của DN là số tiền ứng trước cho hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: tổng số vốn tự có (nguồn vốn chủ sở hữu) của doanh nghiệp và các khoản nợ phải trả (các khoản nợ vay và nợ phải trả khác). Vốn sản xuất kinh doanh bình quân hàng năm của DN được tính bằng bình quân vốn kinh doanh của thời điểm đầu năm và cuối năm)

⁸ Tài sản cố định và đầu tư dài hạn của doanh nghiệp là toàn bộ giá trị còn lại của tài sản cố định, giá trị chi phí xây dựng cơ bản dở dang, các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn và các khoản đầu tư tài chính dài hạn của doanh nghiệp.

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
	<p>ngành hoạt động pháp luật, kế toán, kiểm toán; dịch vụ trụ sở văn phòng, hoạt động tư vấn quản lý; hoạt động kiến trúc, kiểm tra và phân tích kỹ thuật; nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ; quảng cáo và nghiên cứu thị trường; hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác).</p>	<p>trình tự, thủ tục về cấp giấy chứng nhận doanh nghiệp KH&CN khi các tổ chức đáp ứng đủ các điều kiện theo quy định.</p>			
4.2.2.	<p>Mật độ doanh nghiệp. (Phản ánh quy mô thị trường của địa phương. Số doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh tính trên 1,000 dân của địa phương)</p>	<p>- Thực hiện các cơ chế, chính sách mở cho nhà đầu tư, doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Chuẩn bị hạ tầng cơ sở tốt để thu hút đầu tư. Thường xuyên gặp gỡ, đối thoại, chủ động tháo gỡ khó khăn cho doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. Tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, bình đẳng. Cải cách TTHC, công khai, minh bạch. Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, giảm chi phí tuân thủ, chi phí không chính thức. Tạo bình đẳng trong tiếp cận các nguồn lực, đặc biệt là chi phí tiếp cận đất đai và các nguồn vốn. Chủ động liên kết, kết nối tiêu thụ sản phẩm cho doanh nghiệp, tạo mọi điều kiện hỗ trợ đối với doanh nghiệp, nhất là doanh nghiệp mới thành lập, doanh nghiệp nhỏ và vừa.</p>	Sở Tài chính	Cục Thống kê tỉnh	Tổng cục thống kê
4.2.3	<p>Đóng góp vào GDP cả nước (%).</p>	<p>- Tiếp tục phát triển các cơ sở hạ tầng. Tăng cường tiếp cận, vận động doanh nghiệp để thu hút các nguồn lực đầu tư gắn với tiềm năng của tỉnh và</p>	Sở Tài chính, Cục Thống kê	Các sở, ban, ngành; UBND các	Tổng cục thống kê

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
	(Tỉ trọng GRDP của địa phương trong GDP cả nước)	vùng nguyên liệu như chăn nuôi, sản phẩm gỗ, sản phẩm nông nghiệp... Khuyến khích, giúp đỡ các doanh nghiệp, hợp tác xã kết nối các thị trường lớn, các siêu thị, các đô thị để đưa các sản phẩm của người dân đến người tiêu dùng rộng rãi. - Triển khai thực hiện các giải pháp để thúc đẩy tiến độ giải ngân vốn đầu tư công nhanh, đẩy nhanh tiến độ các công trình, dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn; cải cách hành chính và chuyển đổi số mạnh mẽ...		địa phương, các đơn vị liên quan	
5	TRÌNH ĐỘ PHÁT TRIỂN CỦA DOANH NGHIỆP				
5.1	Chỉ số Lao động có kiến thức				
5.1.1	Tỉ lệ chi phí đào tạo lao động trong tổng chi của DN (%). (Là chỉ số thành phần - chỉ số 9, thuộc Chỉ số Năng lực cạnh tranh cấp tỉnh PCI).	<ul style="list-style-type: none"> - Đẩy mạnh công tác đào tạo, nâng cao chất lượng lao động đáp ứng nhu cầu của doanh nghiệp và của tỉnh. Tăng cường chuyển đổi số và đào tạo trực tuyến, chú trọng đào tạo lại và đào tạo thường xuyên lực lượng lao động nhằm nâng cao chất lượng và hiệu quả của giáo dục nghề nghiệp; bảo đảm người học có kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số, kỹ năng mềm, kỹ năng khởi nghiệp và ngoại ngữ... thích ứng với yêu cầu của thị trường lao động. - Phối hợp với các trường cao đẳng, trường nghề nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên, giảng viên, trợ giảng.... Đầu tư, nâng cấp trang thiết bị dạy và học theo hướng sát với thực tế. - Đề xuất các cơ chế, chính sách đặc thù nhằm khuyến khích đầu tư kinh doanh các cơ sở, trung tâm đào tạo nhân lực có kỹ năng phù hợp với thị 	Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương, các cơ sở đào tạo lao động	PCI-VCCI

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		<p>trường lao động hiện đại, nâng cao tay nghề người lao động.</p> <p>- Tăng cường nắm bắt nhu cầu của doanh nghiệp, phối hợp mở các lớp học nghề nhằm đáp ứng nhu cầu sử dụng lao động của doanh nghiệp</p>			
5.1.2.	Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%). (Tỷ lệ lao động đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo là chỉ tiêu phản ánh tỷ lệ so sánh số lao động đang làm việc đã qua đào tạo với tổng số lao động đang làm việc trong kỳ)	Tham mưu nâng cao tỷ lệ số lao động đang làm việc đã qua đào tạo với tổng số lao động đang làm việc. (Tỉ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đã qua đào tạo (%)).	Sở Nội vụ, Cục Thống kê tỉnh	Sở Giáo dục và Đào tạo	Tổng cục Thống kê
5.1.3	Tỷ lệ Doanh nghiệp có hoạt động nghiên cứu và phát triển (R&D) (%). (Hoạt động R&D tại các doanh nghiệp - do doanh nghiệp tự thực hiện hoặc doanh nghiệp thuê ngoài)	<p>Triển khai thực hiện các cơ chế, chính sách hỗ trợ nhằm thúc đẩy doanh nghiệp đổi mới sáng tạo, như: miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp cho doanh nghiệp khoa học và công nghệ đối với sản phẩm hình thành từ kết quả nghiên cứu khoa học; hỗ trợ lãi suất, bảo lãnh vay vốn cho doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp thực hiện nghiên cứu, chuyển giao, đổi mới và hoàn thiện công nghệ...</p> <p>Đầu tư cho phát triển nhân lực để sẵn sàng có lao động tay nghề cao cho hoạt động R&D. Nâng cao chất lượng của các trường cao đẳng, trung tâm dạy nghề, trung tâm nghiên cứu và cơ sở hạ tầng khoa học và công nghệ, đồng thời có những chính sách về thu hút và hỗ trợ nhà nghiên cứu tài năng, chính</p>	- Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Giáo dục và Đào tạo, Sở Nội vụ; Cục Thống kê tỉnh.	UBND các địa phương, các cơ quan liên quan.	Tổng cục Thống kê

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		sách phát triển nguồn nhân lực, đặc biệt là nhân lực về khoa học, công nghệ. Tuyên truyền, khuyến khích doanh nghiệp lập và sử dụng Quỹ Phát triển khoa học và công nghệ của mình. Hướng dẫn thực thi bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ và các hoạt động sở hữu trí tuệ được tập trung triển khai theo hướng phục vụ hoạt động đổi mới sáng tạo, tạo dựng và phát triển tài sản trí tuệ của tổ chức, doanh nghiệp và cá nhân trong tỉnh.			
5.2	Chỉ số Liên kết sáng tạo				
5.2.1.	Hợp tác nghiên cứu giữa tổ chức KH&CN và doanh nghiệp	- Triển khai các Chương trình hợp tác giữa tổ chức khoa học và công nghệ, các nhiệm vụ nghiên cứu khoa học, nghiên cứu triển khai và phát triển công nghệ, các hoạt động dịch vụ khoa học và công nghệ. - Tạo điều kiện cho các tổ chức KH&CN đăng ký thực hiện các nhiệm vụ KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ	Sở Tài chính và các doanh nghiệp, tổ chức KH&CN liên quan	Địa phương
5.2.2.	Tỉ lệ các dự án đầu tư đang sản xuất kinh doanh trong các khu công nghiệp/tổng số doanh nghiệp đang hoạt động của địa phương	- Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư, quảng bá về tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, nhất là các lĩnh vực có lợi thế như nông, lâm nghiệp và du lịch; tổ chức các cuộc hội nghị, hội thảo, triển lãm nông, lâm nghiệp và văn hóa du lịch; đặc biệt, cần ưu tiên tiếp xúc với những đối tác, nhà đầu tư có năng lực tài chính thực sự, tập đoàn kinh tế lớn nhằm tăng cường thu hút nguồn vốn đầu tư, tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về số lượng, chất lượng, hiệu quả đầu tư. - Đẩy mạnh CCHC, cải thiện môi trường đầu tư, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính. Đơn giản hóa và kiến nghị đơn giản hóa theo thẩm quyền dỡ bỏ rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do	Ban quản lý các KCN tỉnh	Sở Công thương, Sở Tài chính	Địa phương
5.2.3	Tỉ lệ các dự án đầu tư trong các cụm công nghiệp trên tổng số doanh nghiệp đang hoạt động trên địa bàn địa phương		Sở Công thương	Sở Tài chính, Ban quản lý các KCN tỉnh; UBND các huyện, thị xã, thành phố.	Địa phương

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		chồng chéo không hợp lý; giúp giảm thời gian và chi phí cho doanh nghiệp; đẩy mạnh hỗ trợ các dự án đang triển khai, thường xuyên theo dõi, kịp thời nắm bắt và giải quyết dứt điểm vướng mắc của doanh nghiệp.			
5.3.	Chỉ số Hấp thu tri thức				
5.3.1.	Đầu tư trực tiếp của nước ngoài ⁹ /GRDP (%)	Tham mưu triển khai các giải pháp phát triển, tạo môi trường thuận lợi, xúc tiến đầu tư và quảng bá hình ảnh quốc gia,... thúc đẩy phát triển kinh tế-xã hội của tỉnh.	Ban quản lý các KCN tỉnh	Sở Tài chính, UBND các địa phương, các đơn vị liên quan	Tổng cục thống kê
5.3.2.	Tỷ lệ Doanh nghiệp có hoạt động ĐMST ¹⁰ (%).	Tiếp tục tuyên truyền phổ biến Đề án “Hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo quốc gia đến năm 2025”, Kế hoạch hỗ trợ hệ sinh thái khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Bắc Kạn giai đoạn 2021 - 2025, định hướng đến năm 2030 và các chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo; tổ chức các sự kiện kết nối cộng đồng khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo; tổ chức các cuộc thi về khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; xây dựng, triển khai và tổ chức thực hiện tốt các cơ chế, chính sách hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo; hỗ trợ ươm tạo khởi nghiệp đổi mới, sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ; Sở Tài chính	Các sở, ban, ngành và UBND các địa phương, đơn vị liên quan	Tổng cục thống kê

⁹ Vốn Đầu tư trực tiếp của nước ngoài được cấp giấy phép, bao gồm vốn cấp mới và vốn tăng thêm của các dự án đã được cấp giấy phép từ các năm trước.

¹⁰ Hoạt động đổi mới sáng tạo gồm: Đổi mới/cải tiến sản phẩm; Đổi mới/cải tiến mô hình tổ chức hoạt động; Đổi mới/cải tiến quy trình sản xuất kinh doanh.

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
5.3.3.	Số Doanh nghiệp có chứng chỉ ISO ¹¹ /1.000 DN(%).	Đẩy mạnh tuyên truyền, hướng dẫn, tư vấn, hỗ trợ doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh về xây dựng, áp dụng và chứng nhận hệ thống quản lý tiên tiến của doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các địa phương, đơn vị liên quan	Tổng cục TCĐLCL
6	SẢN PHẨM TRI THỨC, SÁNG TẠO VÀ CÔNG NGHỆ				
6.1	Chỉ số Sáng tạo tri thức				
6.2.1.	Đơn đăng ký sáng chế và giải pháp hữu ích ¹² /10.000 dân.	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về sáng kiến và giải pháp hữu ích, khuyến khích các tổ chức, cá nhân đăng ký bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ	Sở Khoa học và Công nghệ	Các sở, ban, ngành và UBND các địa phương, đơn vị liên quan	Cục Sở hữu trí tuệ
6.1.2.	Đơn đăng ký giống cây trồng ¹³ /10.000 dân.	Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật qua các phương tiện thông tin đại chúng các quy định pháp luật về bảo hộ giống cây trồng... đến các tổ chức, cá nhân	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành và UBND các địa phương, đơn vị liên quan	Cục Trồng trọt
6.2	Chỉ số Tài sản vô hình				

¹¹ Các tiêu chuẩn được tính đến trong chỉ số này như Tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Tiêu chuẩn ISO 14001:2015, Tiêu chuẩn ISO 56000, Tiêu chuẩn ISO 45001, Tiêu chuẩn ISO khác. Doanh nghiệp đạt bất kỳ chứng nhận ISO nào đều được tính là có chứng nhận ISO.

¹² Sáng chế là giải pháp kỹ thuật dưới dạng sản phẩm hoặc quy trình nhằm giải quyết một vấn đề xác định bằng việc ứng dụng các quy luật tự nhiên. Sáng chế được bảo hộ độc quyền dưới hình thức cấp Bằng độc quyền sáng chế hoặc Bằng độc quyền giải pháp hữu ích... Giải pháp kỹ thuật – đối tượng được bảo hộ dưới danh nghĩa là sáng chế là tập hợp cần và đủ các thông tin về cách thức kỹ thuật và/hoặc phương tiện kỹ thuật (ứng dụng các quy luật tự nhiên) nhằm giải quyết một nhiệm vụ (một vấn đề) xác định. Giải pháp kỹ thuật có thể thuộc một trong các dạng: (i) Sản phẩm; (ii) Quy trình hay phương pháp)

¹³ Giống cây trồng được bảo hộ là giống cây trồng được chọn tạo hoặc phát hiện và phát triển, thuộc Danh mục loài cây trồng được Nhà nước bảo hộ do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành, có tính mới, tính khác biệt, tính đồng nhất, tính ổn định và có tên phù hợp.

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
6.2.1	Đơn đăng ký nhãn hiệu ¹⁴ /1.000 DN.	<p>- Tăng cường công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh. Tổ chức tập huấn, đào tạo về công tác quản lý, bảo hộ, khai thác bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ.</p> <p>- Hỗ trợ việc khai thác thông tin sở hữu trí tuệ cho các tổ chức, cá nhân; Hỗ trợ các Hiệp hội, doanh nghiệp, hợp tác xã bảo hộ, khai thác quyền sở hữu trí tuệ; Hỗ trợ bảo hộ, phát triển tài sản trí tuệ cho các sản phẩm OCOP của địa phương.</p>	Sở Khoa học và Công nghệ.	Sở Công thương, Sở Nông nghiệp và Môi trường; Cục Thống kê tỉnh; UBND các địa phương; các cơ quan liên quan.	Cục Sở hữu trí tuệ
6.2.2	Đơn đăng ký nhãn hiệu tập thể ¹⁵ /10.000 dân.				Cục Sở hữu trí tuệ
6.2.3	Đơn đăng ký kiểu dáng công nghiệp ¹⁶ /10.000 dân.				Cục Sở hữu trí tuệ
6.2.4	Chỉ dẫn địa lý đã được cấp Giấy chứng nhận bảo hộ ¹⁷ /tổng số xã.				Cục Sở hữu trí tuệ
6.3	Chỉ số Lan tỏa tri thức				
6.3.1	Số doanh nghiệp mới thành lập/10.000 dân.	Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp và phát triển; thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện hiệu quả các tiện ích cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp giảm bớt thời gian thực hiện thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian gia nhập thị trường.	Sở Tài chính	Cục Thống kê	Tổng cục thống kê
6.3.2.	Số doanh nghiệp KH&CN và đủ điều kiện là doanh	Tiếp tục rà soát, tham mưu xây dựng cơ chế, chính sách tạo động lực cạnh tranh để thúc đẩy doanh	Sở KH&CN, Cục Thống	Các sở, ban, ngành,	Địa phương

¹⁴ Nhãn hiệu là những dấu hiệu dùng để phân biệt hàng hóa, dịch vụ của các tổ chức, cá nhân khác nhau. Dấu hiệu dùng làm nhãn hiệu phải là những dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình ảnh, hình vẽ hoặc sự kết hợp của các yếu tố đó được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc.

¹⁵ Nhãn hiệu tập thể là nhãn hiệu dùng để phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các thành viên của tổ chức là chủ sở hữu nhãn hiệu đó với hàng hoá, dịch vụ của các thành viên khác của tổ chức đó. Nhãn hiệu tập thể không phải là thành viên của tổ chức đó.

¹⁶Kiểu dáng công nghiệp là hình dáng bên ngoài của sản phẩm được thể hiện bằng hình khối, đường nét, màu sắc hoặc sự kết hợp những yếu tố này.

¹⁷ Chỉ dẫn địa lý là dấu hiệu dùng để chỉ sản phẩm có nguồn gốc từ khu vực, địa phương, vùng lãnh thổ hay quốc gia cụ thể.

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
	ngành KH&CN ¹⁸ /1.000 DN.	<p>ngành tham gia thị trường khoa học và công nghệ; phát triển, tăng số lượng doanh nghiệp khoa học và công nghệ, doanh nghiệp đạt các giải thưởng sáng tạo khoa học và công nghệ; doanh nghiệp Nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao theo quy định.</p> <p>- Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích, báo cáo số liệu hàng năm.</p> <p>Tiếp tục hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp khởi nghiệp và phát triển; thực hiện đồng bộ nhiều giải pháp, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp thành lập mới, thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh; thực hiện hiệu quả các tiện ích cho doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp giảm bớt thời gian thực hiện thủ tục hành chính, rút ngắn thời gian gia nhập thị trường.</p>	kê, Sở Tài chính	UBND các địa phương	
6.3.3.	Tỉ lệ doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo/tổng số doanh nghiệp mới thành lập ở địa phương	Tăng cường đào tạo, nâng cao năng lực cho đội ngũ nhân lực khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tổ chức các hoạt động, dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho doanh nghiệp có dự án khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; kết nối các thành phần trong hệ sinh thái khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; quản lý, vận hành, khai thác cơ sở hạ tầng của địa phương phục vụ cho hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo.	Sở Khoa học và Công nghệ;	Sở Tài chính; Tỉnh đoàn, Liên hiệp các hội KH&KT tỉnh; UBND các địa phương; các	Địa phương

¹⁸ Doanh nghiệp khoa học và công nghệ là doanh nghiệp thực hiện sản xuất, kinh doanh, dịch vụ khoa học và công nghệ để tạo ra sản phẩm, hàng hoá từ kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ (Luật Khoa học và Công nghệ). Doanh nghiệp KH&CN phải được cấp giấy chứng nhận để có căn cứ thực hiện các chính sách ưu đãi, hỗ trợ đối với doanh nghiệp khoa học và công nghệ và có hiệu lực trên toàn quốc

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
				đơn vị liên quan.	
7	TÁC ĐỘNG				
7.1	Chỉ số Tác động đến SXKD				
7.1.1.	Chỉ số sản xuất công nghiệp ¹⁹	Tham mưu, triển khai các giải pháp hỗ trợ phát triển sản xuất công nghiệp, phát triển dịch vụ logistics. Tham mưu rà soát, tổng hợp, phân tích số liệu hàng năm	Sở Công thương	Cục Thống kê	Tổng cục Thống kê
7.1.2.	Chỉ số sản phẩm OCOP 4 sao trở lên/tổng số xã. (Các sản phẩm OCOP phải được cấp giấy chứng nhận và còn thời hạn theo quy định. Chỉ tính các sản phẩm đạt 4 sao trở lên)	Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền về các Chương trình, kế hoạch về Chương trình “Mỗi xã, phường một sản phẩm” (OCOP) của tỉnh; gắn kết và lồng ghép với hoạt động tuyên truyền trong xây dựng nông thôn mới; Tổ chức hội nghị tập huấn nâng cao năng lực cho chủ thể OCOP. Hỗ trợ các sản phẩm tiềm năng của tỉnh để xây dựng, phát triển nâng cấp thành sản phẩm OCOP 4 sao, 5 sao.	Sở Nông nghiệp và Môi trường	Các sở, ban, ngành, UBND các địa phương.	Địa phương (Sở Nông nghiệp và Môi trường)
7.1.3.	Giá trị xuất khẩu ²⁰ /GRDP (%)	- Triển khai các chính sách hỗ trợ, khuyến khích phát triển sản xuất hàng hóa hướng đến xuất khẩu. Khuyến khích phát triển mặt hàng mới trên cơ sở khai thác tiềm năng và lợi thế của tỉnh về điều kiện tự nhiên, nhân lực, mặt bằng, công nghệ; đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng các cụm công nghiệp; khuyến	Sở Công thương	Các sở, ban, ngành; UBND các địa phương.	Tổng cục Thống kê

¹⁹ Chỉ số sản xuất công nghiệp là chỉ tiêu đánh giá tốc độ phát triển sản xuất ngành công nghiệp hàng tháng, quý, năm. Chỉ số được tính dựa trên khối lượng sản phẩm sản xuất, nên còn được gọi là “chỉ số khối lượng sản phẩm công nghiệp.

²⁰ Trị giá thống kê hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu là trị giá do cơ quan hải quan xây dựng phục vụ cho mục đích thống kê trên cơ sở trị giá khai báo và tuân theo nguyên tắc quy định tại khoản 8 Điều 1 Nghị định 59/2018/NĐ-CP ngày 20/4/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan.

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		khích đầu tư xây dựng kho, bến bãi, logistics đồng bộ, đáp ứng phát triển công nghiệp; chú trọng xây dựng thương hiệu sản phẩm; giới thiệu, quảng bá sản phẩm đặc trưng của tỉnh tại các hội chợ trong nước và quốc tế. - Hỗ trợ các doanh nghiệp xuất khẩu khảo sát tìm kiếm, nghiên cứu mở rộng thị trường xuất khẩu thông qua các hoạt động xúc tiến thương mại, cung cấp thông tin thị trường, định hướng xuất khẩu các sản phẩm hàng hóa cho các doanh nghiệp, tăng cường công tác thu thập và phổ biến thông tin về cơ chế chính sách xuất khẩu của các nước, lộ trình cắt giảm thuế quan, dự báo các chiều hướng cung - cầu hàng hóa và dịch vụ			
7.1.4	Tốc độ tăng năng suất lao động ²¹ .	Tổng sản phẩm/1 lao động	Cục Thống kê tỉnh	Sở Tài chính	Tổng cục Thống kê
7.2.	Chỉ số Tác động đến xã hội				
7.2.1.	Tốc độ giảm nghèo.	Thực hiện các giải pháp triển khai các chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội.	Sở Nội vụ	Cục Thống kê tỉnh	Tổng cục Thống kê
7.2.2	Tỷ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế/tổng số dân ²² (%)	Tăng cường giải pháp nâng cao tỉ lệ lao động có việc làm trong nền kinh tế/tổng số dân.	Cục Thống kê tỉnh	Sở Nội vụ	Tổng cục Thống kê
7.2.3	Chỉ số thu nhập bình quân đầu người	Triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ, giải pháp trên; các Chương trình Mục tiêu quốc gia giảm	Các sở, ban, ngành, UBND các huyện, thị xã, thành phố		Tổng cục Thống kê

²¹ Năng suất lao động phản ánh hiệu suất làm việc của lao động, đo bằng tổng sản phẩm tính bình quân một lao động trong thời kỳ tham chiếu. Tốc độ tăng năng suất lao động thể hiện năng suất lao động cải thiện được như thế nào của năm tham chiếu so với năm trước đó.

²² Theo Bộ luật lao động Việt Nam, độ tuổi lao động tối thiểu của người lao động là đủ 15 tuổi. Lao động có việc làm của địa phương đang có việc làm so với tổng dân số của địa phương trong cùng một năm.

TT	Trụ cột/Chỉ số thành phần	Nội dung, giải pháp	Đơn vị thực hiện		Ghi chú (nguồn)
			Chủ trì	Phối hợp	
		nghèo bền vững, thực hiện đồng bộ các giải pháp phát triển kinh tế, tăng thu nhập cho người dân, trong đó chú trọng xây dựng các mô hình nông nghiệp hiệu quả cao; đồng thời đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, thương mại, du lịch, dịch vụ, ngành nghề nông thôn			
7.2.4.	Chỉ số phát triển con người	Tham mưu, thực hiện các giải pháp nâng cao chỉ số HDI.	Cục Thống kê tỉnh	Sở Y tế	Tổng cục Thống kê

